



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 303/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/12/2024)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên Tổ Chức Phát Hành: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lạc Phát Việt Nam (LPBank)
2. Địa chỉ trụ sở chính: LPB Tower, Số 210 đường Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3. Điện thoại: (84 24) 62 668 668 Fax: (84 24) 62 669 669
Website: www.lpbank.com.vn
4. Vốn điều lệ: 29.872.821.000.000 VND (theo Quyết định số 125/QĐ-NHNN ngày 21/01/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Lạc Phát Việt Nam (“**Quyết định số 125**”))
5. Mã cổ phiếu: LPB
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Sở Giao dịch
Số tài khoản: 120111 (Mã Citad: 01357001)
7. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 29/12/2023
 - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ. Mã ngành: 64
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
 - Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ.
8. Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 28/03/2008 (“**Giấy phép 91**”); Quyết định số 423/QĐ-TTGSNH2 do NHNN cấp ngày 15/07/2024 (“**Quyết định số 423**”); Quyết định số 125 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép 91.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

A. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Ngày 22/07/2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) LPBank đã thông qua Trích Nghị quyết số 2248A/2024/NQ-HĐQT phê duyệt Phát hành trái phiếu tăng vốn cấp 2 ra công chúng LPBank năm 2024 và Lựa chọn Tổ chức tư vấn phát hành, Đại lý phát hành và Đại lý đăng ký, lưu ký ban đầu;

Ngày 10/09/2024, HĐQT LPBank đã thông qua Nghị quyết số 3017/2024/NQ-HĐQT phê duyệt Phương án phát hành, Phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán, Đăng ký và niêm yết trái phiếu tăng vốn cấp 2 ra công chúng LPBank năm 2024;

Ngày 31/12/2024, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 303/GCN-UBCK (“Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán”) cho LPBank.

Theo đó, phương án chào bán Trái phiếu đã được phê duyệt như sau:

- 1. Tên Trái Phiếu:** Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2024 (“**Trái Phiếu**”)
- 2. Loại Trái Phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
- 3. Mệnh giá Trái Phiếu:** 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu
- 4. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán:** 40.000.000 (bốn mươi triệu) Trái Phiếu. Cụ thể:
Đợt 1: 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu, bao gồm:
 - **Trái Phiếu LPB7Y202401:** 29.000.000 (hai mươi chín triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm
 - **Trái Phiếu LPB10Y202402:** 1.000.000 (một triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 10 (mười) năm*Đợt 2: 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu, bao gồm:*
 - **Trái Phiếu LPB7Y202403:** 9.000.000 (chín triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm
 - **Trái Phiếu LPB10Y202404:** 1.000.000 (một triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 10 (mười) năm
- 5. Thời gian phân phối:**
 - Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán có hiệu lực
 - Đợt 2: Quý I/2025
- 6. Lãi suất Trái Phiếu**
 - a) *Đối với các Trái Phiếu LPB7Y202401 và Trái Phiếu LPB7Y202403:* lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,9%/năm (hai phẩy chín phần trăm một năm)
 - b) *Đối với các Trái Phiếu LPB10Y202402 và Trái Phiếu LPB10Y202404:* lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,2%/năm (ba phẩy hai phần trăm một năm)

Trong đó:

- “**Lãi Suất Tham Chiếu**” đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

7. Phương thức phân phối

Bán trực tiếp cho các Nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và phân phối thông qua Đại Lý Phát Hành.

B. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐỢT 2 CẬP NHẬT

Ngày 26/06/2025, HĐQT LPBank đã thông qua Nghị quyết số 1614/2025/NQ-HĐQT phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn trái phiếu tăng vốn cấp 2 ra công chúng LPBank năm 2024 Đợt 2;

Theo đó, phương án chào bán Trái phiếu đã được phê duyệt theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán đối với Đợt 2 được cập nhật như sau:

1. Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán: 10.000.000 (mười triệu) Trái Phiếu. Cụ thể:

- **Trái Phiếu LPB7Y202403:** 9.000.000 (chín triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 07 (bảy) năm
- **Trái Phiếu LPB10Y202404:** 1.000.000 (một triệu) Trái Phiếu, kỳ hạn 10 (mười) năm

2. Thời gian phân phối:

Quý III/2025 - Quý IV/2025, sau khi nhận được văn bản thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng Đợt 2 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Dự kiến tối thiểu 20 (hai mươi) ngày, tối đa 90 (chín mươi) ngày theo quy định của pháp luật (chưa tính trường hợp gia hạn thời gian phân phối theo quy định, nếu cần).

3. Lãi suất Trái Phiếu

- *Đối với Trái Phiếu LPB7Y202403:* lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,35%/năm (Hai phẩy ba mươi lăm phần trăm một năm)

- *Đối với Trái Phiếu LPB10Y202404:* lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

- Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,50%/năm (Hai phần trăm năm một năm)

Trong đó:

- “**Lãi Suất Tham Chiếu**” đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

4. Phương thức phân phối

Phân phối thông qua Đại Lý Phát Hành.

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN ĐỢT 1

- Số lượng Trái Phiếu đã phát hành: **30.000.000** (ba mươi triệu) Trái Phiếu, trong đó:

Đơn vị tính: Trái Phiếu

STT	Mã Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu chào bán	Số lượng Trái Phiếu đã phát hành	Số lượng Trái Phiếu chưa chào bán hết
1	Trái Phiếu LPB7Y202401	29.000.000	29.000.000	0
2	Trái Phiếu LPB10Y202402	1.000.000	1.000.000	0
Tổng cộng		30.000.000	30.000.000	0

- Ngày kết thúc đợt chào bán: 05/03/2025

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG LPBANK NĂM 2024 NGÀY 30/12/2024 THEO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG SỐ 303/GCN-UBCK NGÀY 31/12/2024 (“Bản Cáo Bạch”)

A. Thông tin về tài chính:

1. Cập nhật Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

LPBank được thành lập năm 2008 với vốn điều lệ là 3.300.000.000.000 VND. Trải qua các lần tăng vốn, Ngân hàng đã nâng số vốn điều lệ thực góp lên 29.872.821.000.000 VND.

Bổ sung thông tin về đợt tăng vốn trong năm 2025 như sau:

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Đợt tăng năm	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2025	4.296.656.840.000	29.872.821.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	NHNN và UBCKNN

2. Cập nhật Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại Bản Cáo Bạch

2.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 1: Cơ cấu sở hữu cổ phiếu phổ thông của LPBank tại ngày 31/05/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	30.121	2.963.693.810	99,21
a	Cá nhân trong nước	30.034	2.751.808.446	92,12
b	Tổ chức trong nước	87	211.885.364	7,09
2	Nước ngoài	223	23.588.290	0,79
a	Cá nhân nước ngoài	185	1.210.358	0,04
b	Tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	38	22.377.932	0,75
	Tổng cộng	30.344	2.987.282.100	100,00

Nguồn: Danh sách cổ đông của LPBank chốt tại ngày 31/05/2025 do VSDC cấp

2.2 Các loại chứng khoán khác

- Trái phiếu phát hành ra công chúng

- Khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành tại thời điểm 31/05/2025: 7.557.449.600.000 VND
- Đặc điểm: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ

- Khối lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ đang lưu hành tại thời điểm 31/05/2025: 15.910.000.000.000 VND

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

• Đặc điểm:

- 3.100.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm và không kèm chứng quyền
- 10.200.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền và không phải là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
- 2.610.000.000.000 VND là trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền và là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành

Bảng 2: Bảng chi tiết các loại trái phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/05/2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB10Y192901	19/07/2019	3.100.000.000.000	Cố định	10	Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm và không kèm chứng quyền
II	Năm 2020					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB5Y202501	15/12/2020	1.500.000.000.000	Cố định	05	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202004	24/11/2020	234.590.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202005	23/12/2020	265.410.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
III	Năm 2021					
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202102	30/12/2021	173.100.000.000	Thả	10	Trái phiếu không chuyển

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
				nổi		đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
IV Năm 2022						
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202104	28/02/2022	93.169.600.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202202	30/12/2022	101.230.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
V Năm 2023						
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPBL2326001	22/09/2023	1.200.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
2	LPBL2326002	25/09/2023	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
3	LPBL2326005	27/10/2023	500.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
4	LPBL2326008	28/12/2023	2.000.000.000.000	Thả nổi	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
5	LPBL2326009	29/12/2023	1.000.000.000.000	Thả nổi	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB7Y202203	30/06/2023	1.318.719.900.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202204	30/06/2023	237.042.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPB7Y202205	15/09/2023	2.125.485.100.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	LPB10Y202206	15/09/2023	8.703.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
VI	Năm 2024					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPBL2431001	23/08/2024	400.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPBL2431002	13/09/2024	420.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPBL2431003	24/09/2024	1.000.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm,

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	LPBL2431004	30/09/2024	160.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	LPBL2431005	02/10/2024	330.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	LPBL2427006	04/10/2024	2.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
7	LPBL2431007	28/10/2024	100.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
8	LPBL2431008	13/11/2024	200.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
9	LPBL2427009	24/12/2024	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
VII	Năm 2025					
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB7Y202401	05/03/2025	2.900.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						Chức Phát Hành
2	LPB10Y202402	05/03/2025	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
Tổng			23.467.449.600.000			

Nguồn: LPBank

3. Cập nhật Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Bản Cáo Bạch

3.1 Hoạt động kinh doanh theo sản phẩm dịch vụ

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu của LPBank theo sản phẩm dịch vụ

STT	Chỉ tiêu	Doanh thu (tỷ Đồng)			Tỷ trọng doanh thu (%)		
		2023	2024	3 tháng đầu năm 2025	2023	2024	3 tháng đầu năm 2025
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	32.354	34.137	8.501	83,37	83,77	83,83
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.906	3.594	887	10,06	8,82	8,75
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.978	1.654	243	5,10	4,06	2,40
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	43	0	0,08	0,11	0,00
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1	0	5	0,00	0,00	0,05
6	Thu nhập từ hoạt động khác	491	1.246	492	1,27	3,06	4,85
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	49	75	13	0,13	0,18	0,13

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

	Tổng cộng thu nhập hoạt động	38.809	40.749	10.141	100,00	100,00	100,00
--	-------------------------------------	---------------	---------------	---------------	---------------	---------------	---------------

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

Bảng 4: Cơ cấu thu nhập thuần của LPBank theo sản phẩm dịch vụ

STT	Chỉ tiêu	Thu nhập thuần (tỷ Đồng)			Tỷ trọng thu nhập thuần (%)		
		2023	2024	3 tháng đầu năm 2025	2023	2024	3 tháng đầu năm 2025
1	Thu nhập lãi thuần	11.203	15.394	3.282	71,70	77,23	69,99
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.566	3.211	828	22,82	16,11	17,66
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	435	273	113	2,78	1,37	2,41
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	43	0	0,19	0,22	0,00
5	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-5	-1	5	-0,03	-0,01	0,11
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	347	938	448	2,22	4,71	9,55
7	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	49	75	13	0,31	0,38	0,28
	Tổng cộng thu nhập hoạt động	15.625	19.933	4.689	100,00	100,00	100,00

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

3.2 Hoạt động huy động vốn

Tổng số dư huy động vốn tại ngày 31/12/2024 của LPBank đạt 455.251 tỷ VND, tăng 35,66% so với cuối năm 2023, trong đó:

- Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá, chiếm 74,38% tổng nguồn vốn huy động. Nguồn vốn huy động từ Tiền gửi của khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động là do tính chất tương đối ổn định và lãi suất huy động cạnh tranh, là yếu tố quan trọng để Ngân hàng đẩy mạnh hoạt động cho vay. Tính đến 31/12/2024, Tiền gửi của khách hàng đạt 283.172 tỷ VND (tăng

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

19,28% so với cuối năm 2023) nhờ LPBank thực hiện chiến lược phát triển phân khúc bán lẻ và gia tăng hiệu quả trong hoạt động huy động tiền gửi.

- Huy động vốn từ Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt 115.349 tỷ VND chiếm 25,34% tổng nguồn vốn huy động, tăng 130,18% so với năm 2023. Nguyên nhân tăng mạnh chủ yếu là do LPBank đã thúc đẩy bổ sung nguồn vốn huy động từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm Tiền gửi và vay các TCTD khác để đáp ứng nhu cầu thanh khoản ngắn hạn trong giai đoạn cuối năm 2024.

Tính đến 31/03/2025, tổng số dư huy động vốn của Ngân hàng đạt 444.740 tỷ VND, giảm 2,31% so với cuối năm 2024.

Bảng 5: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	90	0,03	1.271	0,28	1.312,22	5.840	1,31
Tiền gửi và vay các TCTD khác	50.112	14,93	115.349	25,34	130,18	91.539	20,58
Tiền gửi của khách hàng	237.392	70,74	283.172	62,20	19,28	293.155	65,92
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	76	0,02	0	0,00	-100,00	0	0,00
Phát hành Giấy tờ có giá	47.910	14,28	55.459	12,18	15,76	54.206	12,19
Tổng cộng	335.580	100,00	455.251	100,00	35,66	444.740	100,00

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

Về huy động từ phát hành Giấy tờ có giá:

Đối với hoạt động phát hành Giấy tờ có giá, trong năm 2024, LPBank đã phát hành thành công 5.610 tỷ VND mệnh giá Trái phiếu riêng lẻ và 31.000 tỷ VND mệnh giá Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam trên thị trường. Thành công trong việc phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi không chỉ làm tăng quy mô vốn hoạt động, vốn tự có, cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR) mà còn giúp LPBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường. Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành đạt 55.459 tỷ VND, tăng 15,76% so với năm 2023.

Tính đến hết 31/03/2025, huy động từ phát hành Giấy tờ có giá đạt mức 54.206 tỷ VND, giảm 2,26% so với cuối năm 2024.

Về huy động từ tiền gửi của khách hàng:

Về cơ cấu tiền gửi theo khách hàng, tiền gửi của khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng (chiếm 71,82% tại thời điểm 31/12/2024 và 76,31% tại thời điểm 31/03/2025). Điều này thể hiện đúng định hướng phát triển bán lẻ của LPBank trong những năm qua.

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của LPBank chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 90,17% tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Trong khi đó, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 9,79% tổng tiền gửi của khách hàng. Tại thời điểm 31/03/2025, tiền gửi không kỳ hạn của LPBank đã giảm xuống mức 6,87% trong khi tiền gửi có kỳ hạn đã tăng lên mức 93,09% tổng tiền gửi của khách hàng.

Bảng 6: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	237.392	283.172	293.155
1	Phân theo khách hàng (%)	100,00	100,00	100,00
-	Cá nhân	73,33	71,82	76,31
-	Tổ chức	26,67	28,18	23,69
2	Phân theo kỳ hạn (%)	100,00	100,00	100,00
-	Tiền gửi không kỳ hạn	9,65	9,79	6,87
-	Tiền gửi có kỳ hạn	90,29	90,17	93,09
-	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,00	0,00	0,00
-	Tiền gửi ký quỹ	0,05	0,04	0,03
3	Phân theo loại tiền (%)	100,00	100,00	100,00
-	VND	99,76	99,64	99,49

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
-	Ngoại tệ	0,24	0,36	0,51

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

Về cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ. Tại 31/12/2024, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 282.165 tỷ VND, tăng 19,14% so với năm 2023 và chiếm 99,64% tổng số dư tiền gửi của khách hàng. Kết thúc ngày 31/03/2025, tiền gửi nội tệ và ngoại tệ đạt lần lượt 291.650 tỷ VND và 1.504 tỷ VND, tương ứng tỷ trọng 99,49% và 0,51% tổng tiền gửi của khách hàng.

Bảng 7: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	31/03/2025
VND	236.827	282.165	19,14%	291.650
Ngoại tệ	565	1.007	78,23%	1.504
Tổng	237.392	283.172	19,28%	293.155

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

3.3 Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của LPBank tăng đều qua các năm, trong đó năm 2024 đạt 20,40% và 3 tháng đầu năm 2025 đạt 6,21%. Tốc độ tăng trưởng tín dụng của LPBank luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định của NHNN.

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

Tại ngày 31/12/2024, dư nợ ngắn hạn đạt 163.195 tỷ VND, tương ứng tỷ trọng 49,21% trên tổng dư nợ cho vay khách hàng và tăng 42,22% so với cuối năm 2023. Trong khi đó, dư nợ cho vay trung hạn của LPBank đạt 120.168 tỷ VND, chiếm tỷ trọng 36,24% và tăng 2,43% so với cuối năm 2023. Dư nợ cho vay khách hàng dài hạn tại 31/12/2024 là 48.243 tỷ VND, chiếm tỷ trọng 14,55% và tăng 11,25% so với năm 2023.

Tại ngày 31/03/2025, dư nợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn lần lượt đạt 174.023 tỷ VND, 128.078 tỷ VND và 50.093 tỷ VND, tương đương tỷ trọng lần lượt là 49,41%, 36,37% và 14,22%.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Bảng 8: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/ giảm	31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	114.751	41,66	163.195	49,21	42,22	174.023	49,41
2	Nợ trung hạn	117.315	42,59	120.168	36,24	2,43	128.078	36,37
3	Nợ dài hạn	43.365	15,74	48.243	14,55	11,25	50.093	14,22
	Tổng	275.431	100,00	331.606	100,00	20,40	352.194	100,00

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

Xét về đối tượng khách hàng:

Về cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh tế, tại ngày 31/03/2025, ba ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay khách hàng bao gồm: (i) Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác (tỷ trọng là 31,54%); (ii) Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình (tỷ trọng là 15,96%); và (iii) Xây dựng (tỷ trọng là 9,26%).

Bảng 9: Dư nợ cho vay khách hàng theo ngành nghề kinh tế

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	21.382	7,76	26.523	8,00	27.342	7,76
2	Khai khoáng	108	0,04	109	0,03	90	0,03
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	23.273	8,45	30.164	9,10	30.253	8,59
4	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng,	9.281	3,37	13.458	4,06	12.975	3,68

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	hơi nước và điều hòa không khí						
5	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	102	0,04	210	0,06	164	0,05
6	Xây dựng	40.917	14,86	31.582	9,52	32.630	9,26
7	Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	59.572	21,63	98.963	29,84	111.080	31,54
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	23.619	8,58	30.837	9,30	31.303	8,89
9	Vận tải kho bãi	1.539	0,56	4.276	1,29	6.446	1,83
10	Thông tin và truyền thông	7.808	2,83	7.496	2,26	7.494	2,13
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	286	0,10	653	0,20	4.046	1,15
12	Hoạt động kinh doanh bất động sản	13.982	5,08	10.137	3,06	9.963	2,83
13	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	211	0,08	184	0,06	167	0,05
14	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.157	0,42	467	0,14	365	0,10
15	Giáo dục và đào tạo	68	0,02	39	0,01	48	0,01
16	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	268	0,10	186	0,06	134	0,04
17	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	23.387	8,49	20.110	6,06	20.827	5,91
18	Hoạt động dịch vụ khác	650	0,24	698	0,21	652	0,19

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
19	Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	47.821	17,35	55.515	16,74	56.215	15,96
Tổng		275.431	100,00	331.606	100,00	352.194	100,00

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của LPBank. Số dư bảo lãnh của LPBank tại thời điểm 31/12/2024 đạt 3.128 tỷ VND, tăng 70,18% so với cuối năm 2023. Tại thời điểm 31/03/2025, số dư bảo lãnh đạt 2.927 tỷ VND, giảm 6,43% so với cuối năm 2024.

c) Chất lượng nợ cho vay

LPBank chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của LPBank. Tại thời điểm 31/03/2025, tỷ lệ nợ xấu của LPBank vẫn được duy trì ở mức an toàn là 1,73%, so với mức 1,57% tại thời điểm cuối năm 2024.

Bảng 10: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	268.631	97,53	323.148	97,45	20,29	341.218	96,88
Nợ cần chú ý	3.111	1,13	3.259	0,98	4,76	4.888	1,39
Nợ dưới tiêu chuẩn	813	0,30	855	0,26	5,17	1.419	0,40
Nợ nghi ngờ	1.707	0,62	1.921	0,58	12,54	1.634	0,46

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		% tăng/giảm	31/03/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ có khả năng mất vốn	1.169	0,42	2.422	0,73	107,19	3.035	0,86
Tổng cộng	275.431	100,00	331.606	100,00	20,40	352.194	100,00
Nợ xấu	3.689	1,34	5.198	1,57	40,91	6.088	1,73

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

Bảng 11: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2023	1.403	2.055	3.458
31/12/2024	1.873	2.457	4.330
31/03/2025	2.048	2.477	4.525

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của LPBank tại thời điểm 31/03/2025 là 13,81%, so với mức 13,33% vào cuối năm 2024. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 12: Tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	% tăng/giảm	31/03/2025
Vốn tự có	41.951	52.216	24,47%	57.305
Vốn cấp 1	34.117	43.338	27,03%	45.872
Vốn cấp 2	7.849	9.126	16,27%	11.649
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	16	249	1.456,25%	216

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Tổng tài sản “Có” rủi ro	342.620	391.644	14,31%	414.978
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	12,24%	13,33%	8,91%	13,81%

Nguồn: LPBank, tỷ lệ tính theo Thông tư số 41

3.4 Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán**a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối**

Kết thúc năm 2024, thu nhập và lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng đạt lần lượt 1.654 tỷ VND và 273 tỷ VND. Trong 3 tháng đầu năm 2025, thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt lần lượt 243 tỷ VND và 113 tỷ VND.

Bảng 13: Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Đơn vị: tỷ Đồng

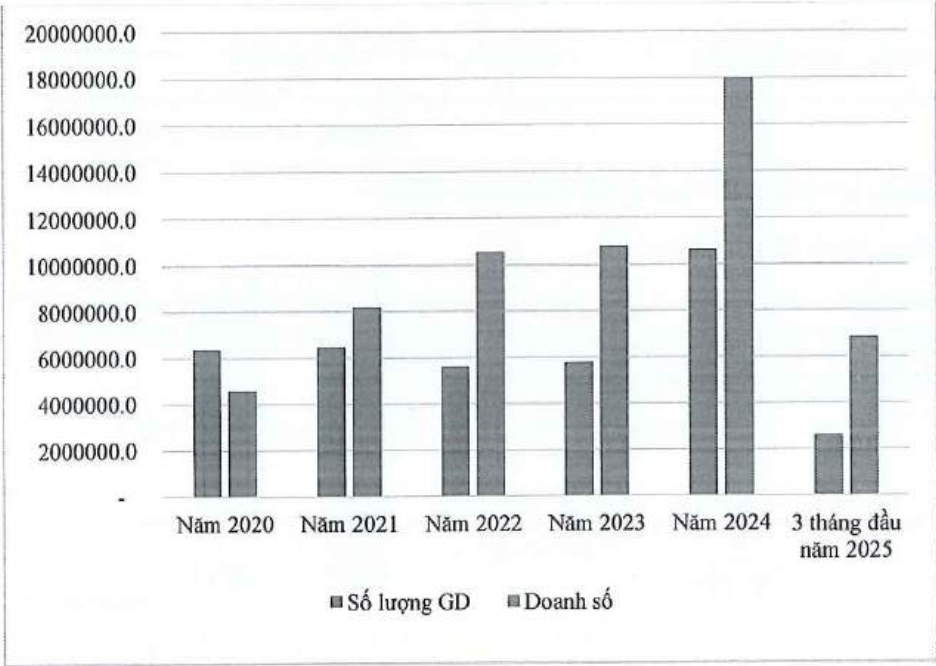
Chỉ tiêu	2023	2024	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2025
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.978	1.654	-16,38	243
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.542	1.381	-10,44	130
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	435	273	-37,24	113

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

b) Hoạt động thanh toán

Theo báo cáo triển vọng kinh tế mới nhất của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), kinh tế toàn cầu trong năm 2025 được dự báo vẫn sẽ vững vàng dù phải đối mặt với những thách thức đáng kể. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2025 ước tính tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất so với quý I các năm trong giai đoạn 2020-2025. LPBank cũng đang cho thấy một bước chuyển mình mạnh mẽ cả về quy mô và chiến lược phát triển. Trong 3 tháng đầu năm 2025, số lượng giao dịch đạt 2.618.116 giao dịch và doanh số đạt 6.845.420 tỷ VND.

Biểu đồ 1: Số lượng, doanh số giao dịch chuyển tiền trong nước



Nguồn: LPBank

Đối với hoạt động thanh toán quốc tế (TTQT), trong năm 2024, số lượng giao dịch TTQT đạt 32.058 giao dịch và tổng doanh số TTQT đạt 999 triệu USD, lần lượt tăng 153,46% và 44,16% so với cùng kỳ năm 2023. Trong 3 tháng đầu năm 2025, số lượng giao dịch TTQT đạt 8.131 giao dịch và tổng doanh số TTQT đạt 476 triệu USD.

Bảng 14: Kết quả hoạt động thanh toán

Chỉ tiêu	2023		2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	So với 2022	Giá trị	So với 2023	Giá trị	So với 3 tháng đầu năm 2024
Thanh toán trong nước						
Doanh số thanh toán đi và đến (tỷ Đồng)	10.790.869	2,16%	17.984.811	66,67%	6.845.420	116,93%
Số lượng giao dịch	5.797.580	3,04%	10.650.880	83,71%	2.618.116	45,47%
Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại						
Tổng doanh số TTQT (triệu	693	-45,60%	999	44,16%	476	112,50%

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Chỉ tiêu	2023		2024		3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	So với 2022	Giá trị	So với 2023	Giá trị	So với 3 tháng đầu năm 2024
USD)						
Số lượng giao dịch TTQT	12.648	-29,99%	32.058	153,46%	8.131	75,81%
Doanh số thanh toán xuất nhập khẩu (triệu USD)	527	-41,57%	93	-82,35%	39	-73,65%
Số lượng giao dịch thanh toán xuất nhập khẩu	7.784	-25,17%	128	-98,36%	85	-96,53%

Nguồn: LPBank

3.5 Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán

Trong năm 2024, lãi từ hoạt động kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ của LPBank đạt 2.273 tỷ VND, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2023. Trong 3 tháng đầu năm 2025, lãi từ hoạt động kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ đạt 643 tỷ VND, tăng 16,06% so với cùng kỳ năm 2024.

Bảng 15: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán

Đơn vị: tỷ Đồng, %

STT	Chỉ tiêu	2023		2024		3 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	So với 2022 (%)	Giá trị	So với 2023 (%)	Giá trị	So với 2024 (%)
I	Chứng khoán đầu tư	46.844	11,51	58.080	23,99	60.040	3,37
I	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	46.844	11,51	58.080	23,99	60.040	3,37
A	Chứng khoán nợ	46.844	11,51	58.080	23,99	60.040	3,37
B	Chứng khoán vốn	0	0,00	0	0,00	0	0,00
C	Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	0	0,00	0	0,00	0	0,00

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0,00	0	0,00	0	0,00
A	Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	0	0,00	0	0,00	0	0,00
B	Dự phòng trái phiếu đặc biệt	0	0,00	0	0,00	0	0,00
II	Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	2.255	20,65	2.273	0,80	643	16,06

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

4. Cập nhật Tài sản tại Bản Cáo Bạch

Bảng 16: Chi tiết tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	731	321	410	796	343	453	796	349	447
Máy móc, thiết bị	869	632	237	1.388	664	724	1.484	692	792
Phương tiện vận tải	972	554	418	905	492	413	879	495	384
Thiết bị dụng cụ quản lý	295	219	76	285	207	78	285	211	74
Tài sản cố định hữu hình khác	74	44	30	97	48	48	97	50	47

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Tổng cộng	2.941	1.770	1.171	3.471	1.754	1.716	3.541	1.797	1.744
------------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------	--------------

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

Bảng 17: Chi tiết tài sản cố định vô hình

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2023			31/12/2024			31/03/2025		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	624	24	600	624	27	597	624	28	596
Phần mềm máy tính	372	193	179	634	215	419	655	224	431
Tổng cộng	996	217	779	1.258	242	1.016	1.279	252	1.027

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

5. Cập nhật Thị trường hoạt động tại Bản Cáo Bạch

5.1 Mạng lưới Chi nhánh

Tại ngày 31/03/2025, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 03 Văn phòng đại diện, 85 Chi nhánh, 481 Phòng Giao dịch, 512 Phòng Giao dịch Bưu điện trên cả nước. Số lượng nhân viên là 9.570 người.

5.2 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

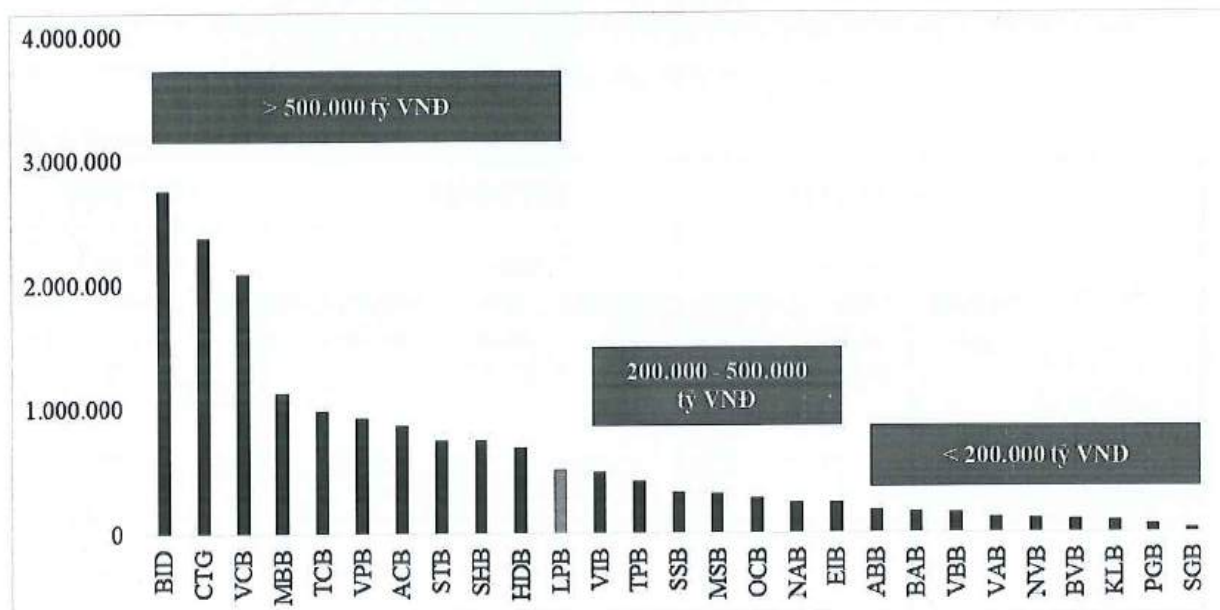
Xét về mặt quy mô:

Năm 2024, LPBank lần đầu tiên gia nhập nhóm ngân hàng có tổng tài sản trên 500.000 tỷ VND, đó là bước đột phá lớn của Ngân hàng. Tính đến 31/12/2024, TTS của Ngân hàng đạt 508.330 tỷ VND, thuộc top 11 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM (“NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch”) có TTS lớn nhất. Vốn chủ sở hữu đạt 43.338 tỷ VND, thuộc top 11 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có vốn chủ sở hữu lớn nhất tại Việt Nam.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận trước thuế của LPBank năm 2024 đạt 12.168 tỷ VND, thuộc top 10 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có lợi nhuận cao nhất. NIM của LPBank đứng thứ 14 trong nhóm NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch, ở mức 3,53%. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu (NPL) tại 31/12/2024 đạt xấp xỉ 1,57%, là một trong số 9 NHTM Niêm yết và Đăng ký giao dịch có tỷ lệ NPL thấp nhất. Điều này chứng tỏ tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro và chất lượng tài sản của Ngân hàng.

Biểu đồ 2: TTS của 27 NHTM niêm yết trên HOSE, HNX và đăng ký giao dịch trên UPCOM tại thời điểm 31/12/2024



Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của các ngân hàng

Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết của các ngân hàng đó

Bảng 18: Vị thế của LPBank trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các NHTM	TTS 2024	VCSH 2024	LNTT 2024	NIM 2024	NPL 2024
1	BID	2.760.792	144.911	31.985	2,33%	1,41%
2	CTG	2.385.388	148.505	31.764	2,89%	1,22%
3	VCB	2.085.874	196.209	42.236	2,87%	0,96%
4	MBB	1.128.801	117.060	28.829	4,19%	1,62%
5	TCB	978.799	147.940	27.538	4,24%	1,12%
6	VPB	923.848	147.275	20.013	5,92%	4,20%
7	ACB	864.006	83.462	21.006	3,61%	1,49%
8	STB	748.095	54.972	12.720	3,63%	2,40%

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Các NHTM	TTS 2024	VCSH 2024	LNTT 2024	NIM 2024	NPL 2024
9	SHB	747.478	58.067	11.569	3,30%	2,90%
10	HDB	697.366	56.657	16.730	5,39%	1,93%
11	LPB	508.330	43.338	12.168	3,53%	1,57%
12	VIB	493.158	41.862	9.004	3,75%	3,51%
13	TPB	418.028	37.594	7.600	3,51%	1,52%
14	MSB	325.699	35.003	6.039	3,58%	1,89%
15	SSB	320.148	36.818	6.904	3,65%	2,68%
16	OCB	280.712	31.671	4.006	3,51%	3,17%
17	NAB	245.129	19.289	4.545	3,58%	2,33%
18	EIB	239.768	25.099	4.188	2,80%	2,53%
19	BAB	176.713	14.024	744	1,88%	3,74%
20	ABB	165.487	11.782	1.260	2,53%	1,24%
21	VBB	162.855	8.701	1.131	1,92%	2,75%
22	VAB	119.832	8.857	1.086	2,18%	1,37%
23	NVB	118.499	6.093	-5.128	-1,90%	19,54%
24	KLB	103.536	6.155	391	2,54%	3,21%
25	BVB	92.176	6.605	1.112	3,90%	2,02%
26	PGB	73.015	5.166	425	2,64%	2,57%
27	SGB	33.260	4.090	99	2,33%	2,66%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024 của các ngân hàng

6. Cập nhật Tình hình chi trả cổ tức của LPBank tại Bản Cáo Bạch

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Tình trạng thanh toán	Ghi chú
2023	16,8%	Đã thanh toán	Bằng cổ phiếu
2024	25,0%	Đã thanh toán	Bằng tiền mặt

Nguồn: LPBank

7. Cập nhật Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

7.1 Thông tin về các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi

Tính đến thời điểm 31/05/2025, số dư trái phiếu LPBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 23.467.449.600.000 VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 7.557.449.600.000 VND
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 15.910.000.000.000 VND

Bảng 19: Thông tin về các trái phiếu đã phát hành

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị tại ngày 31/12/2023	Giá trị tại ngày 31/12/2024	Giá trị tại ngày 31/05/2025
Trái phiếu tăng vốn cấp 2	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	0	0	0
	Từ 5 năm trở lên	6.215	7.167	10.167
Trái phiếu thường	Từ 1 năm tới dưới 5 năm	16.950	8.700	8.700
	Từ 5 năm trở lên	4.600	4.600	4.600
Tổng		27.765	20.467	23.467

Nguồn: LPBank

7.2 Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất

Bảng 20: Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất tại thời điểm 31/03/2025

STT	Nội dung	Số tiền (tỷ VND)
1	Tổng giá trị hợp đồng	65,86
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	15,82

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	38,01
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	12,03

Nguồn: LPBank

7.3 Các cam kết chưa thực hiện khác

Bảng 21: Thông tin về các cam kết chưa thực hiện tại thời điểm 31/03/2025

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ VND)
1	Bảo lãnh vay vốn	43
2	Cam kết giao dịch hối đoái	182.980
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	<i>3.527</i>
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	<i>3.533</i>
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	<i>175.920</i>
3	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	569
4	Bảo lãnh khác	2.835
5	Các cam kết khác	1.946

Nguồn: BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

8. Cập nhật Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch tại Bản Cáo Bạch**8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất****a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản**

Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	382.863	508.330	32,77	499.895
Vốn chủ sở hữu	34.117	43.338	27,03	45.872
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	32.354	34.137	5,51	8.501

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2025
Thu nhập lãi thuần	11.203	15.394	37,41	3.282
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	3.566	3.211	-9,96	828
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	435	273	-37,24	113
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30	43	43,33	0
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-5	-1	-80,00	5
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	347	938	170,32	448
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	49	75	53,06	13
Chi phí hoạt động	5.760	5.810	0,87	1.314
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	9.865	14.122	43,15	3.374
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.826	1,954	-30,86	198
Lợi nhuận trước thuế	7.039	12.168	72,87	3.175
Lợi nhuận sau thuế	5.572	9.721	74,46	2.534
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) (%)	19,16	25,10	-	5,68
Tỷ lệ trả cổ tức	16,8%	25,0%	-	-

Nguồn: LPBank

Kết thúc năm 2024, với kết quả đặc biệt ấn tượng LPBank đã hoàn thành các mục tiêu kinh doanh với một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau:

- Tổng Tài sản của Ngân hàng đạt 508.330 tỷ VND, tăng 32,77% so với cuối năm 2023;
- Quy mô vốn chủ sở hữu đạt 43.338 tỷ VND, tăng 27,03% so với cuối năm 2023 nhờ sự gia tăng của nguồn lợi nhuận sau thuế;
- Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự của Ngân hàng đạt gần 34.137 tỷ VND, tăng 5,51% so với năm 2023; Lợi nhuận sau thuế đạt 9.721 tỷ VND, tiếp tục ghi nhận mức tăng

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

trường cao, tăng 74,46% so với năm 2023, chủ yếu do LPBank đã tập trung khai thác lợi thế mạng lưới, đa dạng hóa khách hàng và đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng ngay từ những tháng đầu năm. Ngoài ra, việc kiểm soát chất lượng tín dụng và đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện cũng giúp cho chi phí hoạt động giảm so với cùng kỳ.

Kết thúc Quý I năm 2025, Ngân hàng đạt 3.282 tỷ VND thu nhập lãi thuần và 2.534 tỷ VND lợi nhuận sau thuế, lần lượt hoàn thành 20,87% và 21,57% so với kế hoạch năm.

b) Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Cơ cấu lãi thuần của LPBank năm 2024 và Quý I năm 2025 bao gồm 2 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Cụ thể, cơ cấu Thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 77,23% trong năm 2024 và 69,99% trong Quý I năm 2025. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng cao thứ hai, đạt 16,11% trong năm 2024 và 17,66% trong Quý I năm 2025.

Bảng 23: Cơ cấu lãi thuần

Chỉ tiêu	2023	2024	3 tháng đầu năm 2025
Thu nhập lãi thuần	71,70%	77,23%	69,99%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	22,82%	16,11%	17,66%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2,78%	1,37%	2,41%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	0,19%	0,22%	0,00%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-0,03%	-0,01%	0,11%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	2,22%	4,71%	9,55%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0,31%	0,38%	0,28%
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	100,00%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Trong giai đoạn 2024 - Quý I năm 2025, Tỷ lệ CIR (chi phí/thu nhập) của LPBank đã được cải thiện từ 29,15% năm 2024 xuống còn 28,02% trong Quý I năm 2025. Tỷ trọng Chi phí lãi và các chi phí tương tự trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự tăng từ 54,91% năm 2024 lên 61,39% trong Quý I năm 2025. Tỷ trọng Chi phí hoạt động dịch vụ trong Thu nhập từ hoạt động dịch vụ đã

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

giảm từ 10,66% năm 2024 xuống còn 6,65% trong Quý I năm 2025. Tỷ trọng Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong Quý I năm 2025 là 5,87%, giảm so với tỷ trọng này năm 2024 là 13,84%.

Bảng 24: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng*Đơn vị: tỷ Đồng*

TT	Chỉ tiêu	2022	2024	% tăng/giảm	3 tháng đầu năm 2025
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	21.151	18.743	-11,38%	5.219
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</i>	<i>65,37%</i>	<i>54,91%</i>		<i>61,39%</i>
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	340	383	12,65%	59
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>	<i>8,70%</i>	<i>10,66%</i>		<i>6,65%</i>
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	5.760	5.810	0,87%	1.314
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập hoạt động</i>	<i>36,86%</i>	<i>29,15%</i>		<i>28,02%</i>
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.826	1.954	-30,86%	198
	<i>Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</i>	<i>28,65%</i>	<i>13,84%</i>		<i>5,87%</i>

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong cơ cấu chi phí hoạt động của LPBank, chi phí cho nhân viên, chi phí về tài sản và chi phí cho hoạt động quản lý công cụ là 3 chi phí chính, chiếm 93,00% tổng chi phí hoạt động của Ngân hàng trong Quý I năm 2025.

Trong đó, chi phí cho nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí hoạt động, chiếm 55,78% trong Quý I năm 2025 so với mức 54,23% trong năm 2024. Chi về tài sản có tỷ trọng cao thứ hai, chiếm 20,19% trong năm 2024 và 24,20% trong Quý I năm 2025. Chi cho hoạt động quản lý công cụ có tỷ trọng cao thứ ba và giảm dần trong giai đoạn 2024 - Quý I năm 2025, lần lượt là 18,14% trong năm 2024 và 13,09% trong Quý I năm 2025.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Bảng 25: Cơ cấu chi phí hoạt động

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2023		2024		% tăng/ giảm	3 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	157	2,73	129	2,22	-17,83	16	1,22
Chi phí cho nhân viên	3.234	56,15	3.151	54,23	-2,57	733	55,78
Chi về tài sản	1.023	17,76	1.173	20,19	14,66	318	24,20
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.098	19,06	1.054	18,14	-4,01	172	13,09
Chi phí nộp phí bảo hiểm, bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	237	4,11	282	4,85	18,99	76	5,78
Chi phí dự phòng khác	0,4	0,00	0	0,00	-100,00	0	0,00
Chi phí hoạt động khác	11	0,19	22	0,38	100,00	0	0,00
Tổng Chi phí hoạt động	5.760	100,00	5.810	100,00	0,87	1.314	100,00

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

8.2 Các chỉ tiêu cơ bản

- Tình hình công nợ

Bảng 26: Các khoản phải thu và phải trả khác

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I	Nợ phải thu	8.656	7.038	7.858
1	Các khoản phải thu	3.050	1.536	1.446
2	Các khoản lãi, phí phải thu	5.038	4.746	5.740
3	Tài sản có khác	576	762	678
4	Các khoản dự phòng rủi ro	-7	-6	-6

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

	cho các tài sản Có nội bảng khác			
II	Nợ phải trả	13.166	9.741	9.283
1	Các khoản lãi, phí phải trả	9.839	7.817	7.561
2	Các khoản phải trả và công nợ khác	3.327	1.924	1.722

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

- Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 27: Danh sách trái phiếu chưa đáo hạn tại 31/05/2025

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
I	Năm 2019					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB10Y192901	19/07/2019	3.100.000.000.000	Cố định	10	Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm và không kèm chứng quyền
II	Năm 2020					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPB5Y202501	15/12/2020	1.500.000.000.000	Cố định	05	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202004	24/11/2020	234.590.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202005	23/12/2020	265.410.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
						Chức Phát Hành
III	Năm 2021					
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202102	30/12/2021	173.100.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
IV	Năm 2022					
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB10Y202104	28/02/2022	93.169.600.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202202	30/12/2022	101.230.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
V	Năm 2023					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPBL2326001	22/09/2023	1.200.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
2	LPBL2326002	25/09/2023	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
3	LPBL2326005	27/10/2023	500.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
4	LPBL2326008	28/12/2023	2.000.000.000.000	Thả nổi	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
5	LPBL2326009	29/12/2023	1.000.000.000.000	Thả nổi	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
Trái phiếu ra công chúng						
1	LPB7Y202203	30/06/2023	1.318.719.900.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202204	30/06/2023	237.042.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPB7Y202205	15/09/2023	2.125.485.100.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	LPB10Y202206	15/09/2023	8.703.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
VI	Năm 2024					
Trái phiếu riêng lẻ						
1	LPBL2431001	23/08/2024	400.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPBL2431002	13/09/2024	420.000.000.000	Thả	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm,

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
				nổi		không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
3	LPBL2431003	24/09/2024	1.000.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
4	LPBL2431004	30/09/2024	160.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
5	LPBL2431005	02/10/2024	330.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
6	LPBL2427006	04/10/2024	2.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
7	LPBL2431007	28/10/2024	100.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
8	LPBL2431008	13/11/2024	200.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
9	LPBL2427009	24/12/2024	1.000.000.000.000	Cố định	03	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm và không kèm chứng quyền
VII	Năm 2025					
Trái phiếu ra công chúng						

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị mệnh giá đang lưu hành (Đồng)	Lãi suất	Kỳ hạn (năm)	Điều khoản điều kiện quan trọng
1	LPB7Y202401	05/03/2025	2.900.000.000.000	Thả nổi	07	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
2	LPB10Y202402	05/03/2025	100.000.000.000	Thả nổi	10	Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp của Tổ Chức Phát Hành
Tổng			23.467.449.600.000			

Nguồn: LPBank

- Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 28: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước

Đơn vị: tỷ Đồng

Loại thuế	Số dư tại 31/12/2023	Số dư tại 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/03/2025
			Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	11	12	4	12	4
Thuế TNDN	973	680	641	689	632
Các loại thuế, phí, lệ phí và phải nộp khác	25	14	72	70	16
Tổng	1.010	706	718	771	653

Nguồn: BCTC năm 2023, năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2025 của LPBank

- Trích lập các quỹ

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Bảng 29: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Trích lập các quỹ	Năm 2023	Năm 2024
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	279	972
2	Quỹ dự phòng tài chính	557	972
3	Quỹ khen thưởng	500	100
Tổng		1.336	2.044

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 và năm 2025 của LPBank

8.3 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	<i>tỷ Đồng</i>	25.576	25.576	29.873
Vốn tự có	<i>tỷ Đồng</i>	41.951	52.216	57.305
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	%	12,24	13,33	13,81
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,47	2,55	3,12
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,34	1,57	1,73
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	72,08	66,71	70,57
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97,28	98,47	98,21
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao	%	13,25	15,54	12,33

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
bình quân/Tổng tài sản bình quân				
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	18,78	23,40	23,88
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	82,13	74,21	80,28
4. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	24,20	31,42	7,12
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,98	2,73	0,63
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	3,24	3,53	2,68
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,57	2,18	0,50
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,16	25,10	5,68
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.604	3.254	848
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	22,82	16,11	17,67
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	50,65	26,39	26,09

Nguồn: LPBank

Lưu ý: Các chỉ tiêu nêu trên được LPBank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

8.4 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2024 của LPBank. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán tại BCTC kiểm toán năm 2024 là ý kiến chấp thuận toàn phần. Cụ thể như sau:

- BCTC năm 2024 kiểm toán



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Ý kiến của Kiểm toán viên theo báo cáo kiểm toán số 0748/VNIA-HN-BC ngày 25/03/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

8.5 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 31: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Năm 2025	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2024
Thu nhập lãi thuần (tỷ Đồng)	15.394	15.726	2,16%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ Đồng)	9.721	11.746	20,83%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	63,15%	74,69%	11,54%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	25,10%	26,75%	1,65%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	25,0% (*)	-	-

(*) ĐHĐCĐ đã thông qua Tờ trình số 933/2025/TTr-HĐQT ngày 04/04/2025 tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ngày 27/04/2025. Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức là 25,0% bằng tiền mặt.

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của LPBank thông qua Báo cáo số 927/2025/BC-HĐQT ngày 04/04/2025 của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025; Nghị quyết HĐQT số 1614/2025/NQ-HĐQT ngày 26/06/2025 phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn trái phiếu tăng vốn cấp 2 ra công chúng LPBank năm 2024 Đợt 2

Kết thúc Quý I năm 2025, Ngân hàng đạt 3.282 tỷ VND thu nhập lãi thuần và 2.534 tỷ VND lợi nhuận sau thuế, lần lượt hoàn thành 20,87% và 21,57% so với kế hoạch năm.

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Cập nhật Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản Cáo Bạch của Tổ Chức Phát Hành



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Ông Nguyễn Đức Thụy	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Quốc Khánh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nga	Chức vụ: Giám đốc - Khối Thị trường và Quản trị Tài chính
Ông Nguyễn Tiến Công	Chức vụ: Kế toán trưởng

2. Cập nhật Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

- **Vốn điều lệ:** 29.872.821.000.000 VND (theo Quyết định số 125).
- **Giấy phép thành lập và hoạt động:** Giấy phép 91; Quyết định số 423; Quyết định số 125 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép 91.
- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Vũ Quốc Khánh - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

3. Cập nhật Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển tại Bản Cáo Bạch

Bổ sung mốc sự kiện quan trọng trong năm 2024:

- Kết thúc 31/12/2024, Lợi nhuận trước thuế đạt 12.168 tỷ VND, tăng gần 73% so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 116% so với kế hoạch.

Bổ sung mốc sự kiện quan trọng trong Quý I năm 2025:

- Tháng 01/2025, tăng vốn điều lệ lên 29.872.821.000.000 VND thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Ngày 24/03/2025, LPBank lọt Top 10 Ngân hàng - ESG Việt Nam Xanh 2025 do Viet Research phối hợp với Báo Tài chính Đầu tư (Bộ Tài chính) công bố.

4. Cập nhật Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành tại Bản Cáo Bạch

Cơ cấu tổ chức của LPBank bao gồm 08 Khối, cụ thể:

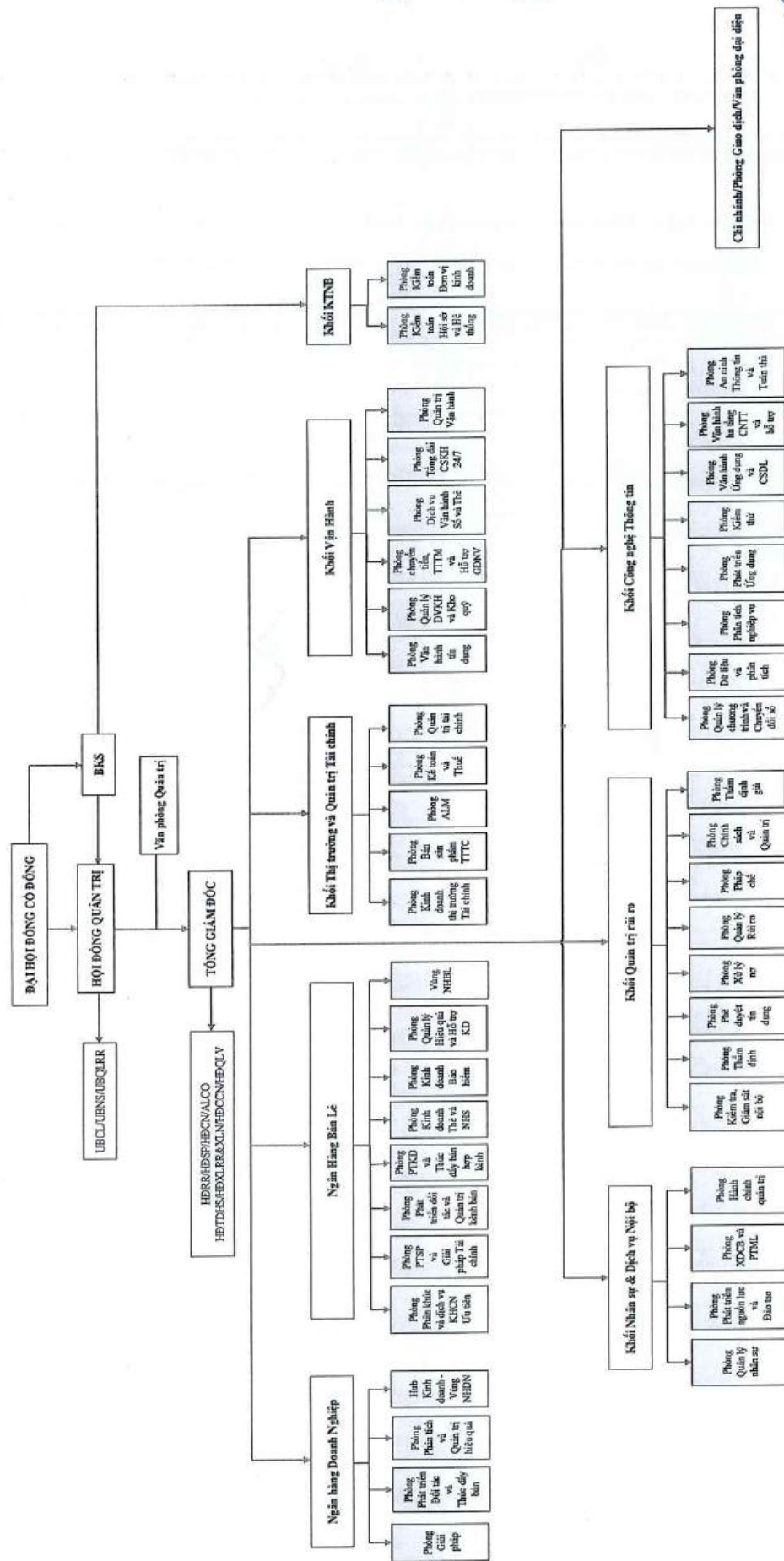
- | | |
|---|----------------------------------|
| • Ngân hàng Doanh nghiệp | • Khối Kiểm toán nội bộ |
| • Ngân hàng Bán lẻ | • Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ |
| • Khối Thị trường và Quản trị Tài chính | • Khối Quản trị rủi ro |
| • Khối Vận hành | • Khối Công nghệ Thông tin |

Các Khối thuộc sự điều hành của Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối. Mỗi Khối được chia làm nhiều Phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ khách hàng. Giữa các Khối có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban Điều hành và họp giao ban toàn hệ thống.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



Hình 1: Cơ cấu tổ chức của LPBank



▪ **Đại Hội đồng Cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng;
- Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
- Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, Công ty con của Ngân hàng;
- Thông qua phương án góp vốn, mua bán cổ phần của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cổ đông lớn, người có liên quan của

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của Ngân hàng; Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

▪ Hội đồng Quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định việc thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT;
- Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, TCTD khác có giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
- Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các TCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của BKS hoặc của ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

▪ **Ban Kiểm Soát**

BKS là cơ quan đại diện cho cổ đông, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS;
- Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và các văn bản khác của LPBank.

▪ **Ban Điều hành và Kế toán trưởng**

Ban Điều hành gồm Tổng Giám đốc và 06 Phó Tổng Giám đốc quản lý điều hành các Khối nghiệp vụ và các khu vực của Ngân hàng. Kế toán trưởng thực hiện quản lý về mặt tài chính - kế toán trong toàn hệ thống LPBank. Các thành viên trong Ban Điều hành và Kế toán trưởng đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng;
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết

quả kinh doanh của Ngân hàng;

- Đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của Luật Các TCTD;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
- **Các Ủy ban:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
- **Các Hội đồng:** Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các vấn đề do từng Hội đồng phụ trách.
- **Ngân hàng Doanh nghiệp**

Xây dựng định hướng, chiến lược kinh doanh và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh phân khúc khách hàng doanh nghiệp, cung cấp trọn gói các giải pháp tài chính phù hợp, kiểm soát tối đa rủi ro.
- **Ngân hàng Bán lẻ**

Xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, cung cấp trọn gói các sản phẩm dịch vụ dành cho KHCN/Hộ kinh doanh trên Kênh Ngân hàng/Kênh PGDBĐ/Kênh số do Ngân hàng Bán lẻ phụ trách theo từng phân đoạn thị trường, khẩu vị rủi ro và định hướng kinh doanh của LPBank.
- **Khối Thị trường và Quản trị Tài chính**
 - Xây dựng chiến lược và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh trên thị trường vốn, thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối với các khách hàng trong nước và quốc tế thông qua các nghiệp vụ kinh doanh thị trường tiền tệ, kinh doanh chứng khoán nợ, kinh doanh ngoại tệ, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, và kinh doanh các sản phẩm/công cụ tài chính khác trong phạm vi các hạn mức và trạng thái theo quy định.
 - Thực hiện quản lý Tài sản Nợ và Có và quản lý trạng thái ngoại tệ của toàn hệ thống.
 - Xây dựng, tổ chức triển khai và quản trị hoạt động tài chính kế toán đảm bảo hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.
- **Khối Kiểm toán nội bộ**
 - Kiểm tra, đánh giá và xác nhận mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - Tư vấn các giải pháp, biện pháp khắc phục sai sót, tham gia vào quá trình xây dựng, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

▪ **Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ**

- Xây dựng chiến lược phát triển và quản lý nguồn nhân lực toàn hệ thống phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của LPBank và tổ chức thực hiện, quản lý tập trung các chính sách, chương trình về quản trị phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự trên toàn hệ thống.
- Tổ chức thực hiện công tác hành chính văn phòng hiệu quả, chuyên nghiệp, đảm bảo hỗ trợ hoạt động kinh doanh; quản lý hoạt động của các Văn phòng đại diện theo quy định.
- Tổ chức thực hiện công tác quản lý, phát triển mạng lưới hệ thống và công tác xây dựng cơ bản.

▪ **Khối Quản trị rủi ro**

- Chịu trách nhiệm thực hiện công tác kiểm tra, giám sát nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ của các Đơn vị trên toàn hệ thống để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm, lỗi hệ thống (nếu có), từ đó đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm ngăn ngừa và hạn chế rủi ro cho hệ thống.
- Tổ chức triển khai và quản lý hoạt động thẩm định tín dụng; công tác thẩm định giá TSBĐ, tài sản thanh lý, thuê/mua địa điểm; công tác đấu thầu, mua sắm hàng hóa, dịch vụ và hoạt động phê duyệt tín dụng cho các khách hàng trên toàn hệ thống LPBank đảm bảo chất lượng, tiến độ và kiểm soát rủi ro tốt.
- Tổ chức triển khai và quản lý hoạt động quản trị nợ và xử lý nợ trên toàn hệ thống.
- Tham mưu về các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản trị, điều hành và tư vấn cho các Đơn vị trong công tác áp dụng và thực thi pháp luật trong toàn hệ thống LPBank, đảm bảo tuân thủ các quy định của LPBank và pháp luật.
- Chịu trách nhiệm nghiên cứu, tham mưu, đề xuất phương thức xây dựng và vận hành hệ thống quản lý rủi ro, các rủi ro trọng yếu của LPBank bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro tập trung, rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng, rủi ro môi trường và xã hội, nhằm đảm bảo LPBank hoạt động an toàn, hiệu quả theo chiến lược phát triển đã được phê duyệt và tuân thủ quy định pháp luật.
- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách, quy định nội bộ và hệ thống về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống khủng bố và phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; triển khai tuân thủ cấm vận và triển khai tuân thủ FATCA tại LPBank nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và đảm bảo hoạt động của LPBank an toàn, hiệu quả theo chiến lược đã được phê duyệt.

▪ **Khối Vận hành**

Khối Vận hành thực hiện xây dựng chiến lược, chính sách, quy định, tiêu chuẩn và tổ chức triển khai, quản lý các hoạt động vận hành trên toàn hệ thống theo mô hình tập trung giám

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

thiểu các rủi ro, tổn thất phát sinh, tăng năng suất và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, bao gồm cả khách hàng nội bộ và khách hàng bên ngoài.

▪ Khối Công nghệ Thông tin

Khối Công nghệ thông tin thực hiện các nhiệm vụ chính bao gồm: xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển CNTT phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; quản lý và vận hành hệ thống CNTT đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động kinh doanh; quản trị, kiến trúc, phân tích và khai thác dữ liệu và định hướng hoạt động chuyển đổi số trên phạm vi toàn hàng.

▪ Chi nhánh

- Thực hiện kinh doanh trực tiếp, cung cấp các giải pháp và sản phẩm dịch vụ cho khách hàng.
- Quảng bá thương hiệu của Ngân hàng, đầu mối đại diện cho Ngân hàng trong việc xây dựng và phát triển các mối quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị liên quan, các đối tác, tổ chức kinh tế xã hội và cơ quan quản lý Nhà nước tại địa bàn.
- Quản lý, giám sát hoạt động của các Phòng Giao dịch và Phòng Giao dịch nâng cấp từ PGDBĐ trực thuộc Chi nhánh.

6. Cập nhật Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại Bản Cáo Bạch

6.1 Cập nhật Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT

6.1.1 Ông Nguyễn Đức Thụy - Chủ tịch HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 82.592.801 cổ phần, tương ứng 2,7648% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 4.503 cổ phần, tương ứng 0,0002% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
0	0	Không có	+ Năm 2024: 11.879.786 cổ phiếu

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

			+ 5 tháng đầu năm 2025: 206.482.002.500 VND
--	--	--	--

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.1.2 Ông Hồ Nam Tiến - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 796.571 cổ phần, tương ứng 0,0267% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.200	500	Không có	+ Năm 2024: 114.574 cổ phiếu + 5 tháng đầu năm 2025: 1.991.427.500 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.1.3 Ông Nguyễn Văn Thù - Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 82.597.304 cổ phần, tương ứng 2,7650% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.200	500	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.1.4 Ông Bùi Thái Hà - Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 1.443.312 cổ phần, tương ứng 0,0483% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 11.382 cổ phần, tương ứng 0,0004% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.200	500	Không có	+ Năm 2024: 207.599 cổ phiếu + 5 tháng đầu năm 2025: 3.608.280.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

6.1.5 Ông Phạm Phú Khôi - Phó Chủ tịch - Thành viên độc lập HĐQT

- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
06/2022 - 12/2024	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam
09/2024 - 02/2025	Chủ tịch HĐQT - Thành viên độc lập HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank
11/2024 - 02/2025	Thành viên độc lập HĐQT	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
02/2025 - Nay	Phó Chủ tịch - Thành viên độc lập HĐQT	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
148	500	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

6.1.6 Ông Huỳnh Ngọc Huy - Thành viên HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 856.022 cổ phần, tương ứng 0,0287% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.200	500	Không có	+ Năm 2024: 123.126 cổ phiếu + 5 tháng đầu năm 2025: 2.140.055.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.1.7 Bà Vương Thị Huyền - Thành viên độc lập HĐQT

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
148	500	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.2 Cập nhật Thông tin chi tiết của từng thành viên BKS

6.2.1 Bà Dương Hoài Liên - Trưởng BKS

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 159.840 cổ phần, tương ứng 0,0054% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
960	400	Không có	+ Năm 2024: 22.990 cổ phiếu + 5 tháng đầu năm 2025: 399.600.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

6.2.2 Ông Trần Thanh Tùng - Phó Trưởng BKS

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 368.446 cổ phần, tương ứng 0,0123% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
720	300	Không có	+ Năm 2024: 52.995 cổ phiếu + 5 tháng đầu năm 2025: 921.115.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.2.3 Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thành viên BKS

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 25.856 cổ phần, tương ứng 0,0009% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thù lao và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Thù lao cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu	5 tháng đầu năm	ESOP	Cổ tức

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Đồng)	2025 (triệu Đồng)		
704	316	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.3 Cập nhật Danh sách Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 32: Danh sách Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng tại ngày 31/05/2025

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc
3	Đoàn Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
4	Vũ Nam Hương	Phó Tổng Giám đốc
5	Đặng Công Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
6	Lưu Danh Đức	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc
8	Nguyễn Tiến Công	Kế toán trưởng

Nguồn: LPBank

6.4 Cập nhật Thông tin chi tiết của từng thành viên Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**6.4.1 Ông Vũ Quốc Khánh - Tổng Giám đốc**

- Kinh nghiệm công tác: 

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/10/2024 - 02/2025	Quyền Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
02/2025 - Nay	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 1.261.930 cổ phần, tương ứng 0,0422% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
1.017	474	Không có	+ Năm 2024: 181.510 cổ phiếu + 5 tháng đầu năm 2025: 3.154.825.000 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.4.2 Bà Nguyễn Ánh Vân - Phó Tổng Giám đốc

- Kinh nghiệm công tác

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
05/2010 - 12/2024	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (tên cũ là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

		Việt)
12/2024 - 03/2025	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Thị trường và Quản trị Tài chính	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam
03/2025 - Nay	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 1.168.951 cổ phần, tương ứng 0,0391% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 356.693 cổ phần, tương ứng 0,0119% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
960	379	Không có	+ Năm 2024: 168.136 cổ phiếu + 5 tháng đầu năm 2025: 2.922.377.500 VND

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.4.3 Ông Đoàn Nguyên Ngọc - Phó Tổng Giám đốc

- Kinh nghiệm công tác

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
05/08/2024 - 12/2024	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam (tên cũ là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

		Việt)
12/2024 - 01/2025	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản trị rủi ro	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
01/2025 - Nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản trị rủi ro - Giám đốc Khối Nhân sự và Dịch vụ nội bộ	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
960	379	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.4.4 Bà Vũ Nam Hương - Phó Tổng Giám đốc

- Kinh nghiệm công tác

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
01/10/2024 - 12/2024	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

12/2024 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam
---------------	--	-------------------------------------

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
827	418	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.4.5 Ông Đặng Công Hoàn - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 85 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
60	284	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.4.6 Ông Lưu Danh Đức - Phó Tổng Giám đốc

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
0	393	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.4.7 Ông Nguyễn Hoàng Hải - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam



Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Viễn thông
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1993 - 1996	Kỹ sư hệ thống truyền tải	Viện nghiên cứu bưu chính viễn thông
1996 - 2006	Quản lý kỹ thuật	Công ty Millicom
01/2008 - 08/2008	Trưởng nhóm kỹ thuật	Tổng công ty công nghệ Gtel
02/2008 - 03/2012	Giám đốc điều hành	Công ty CP viễn thông di động toàn cầu Gtel Mobile (Gmobile/Beeline)
04/2012 - 11/2012	Giám đốc Chiến lược và CMO	Công ty CP viễn thông di động toàn cầu Gtel Mobile (Gmobile)
07/2013 - 2021	Giám đốc Khối Vận hành	Ngân hàng TMCP Quốc tế
07/2021 - 01/2025	Giám đốc Khối chiến lược và chuyển đổi mô hình	Ngân hàng TMCP Quốc tế
01/2025 - 04/2025	Thành viên Ban điều hành kiêm Giám đốc Khối Vận hành	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam
04/2025 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành	Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Điều hành và những người có liên quan của thành viên Ban Điều hành: Không có

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

- o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
0	365	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

6.4.8 Ông Nguyễn Tiến Công - Kế toán trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1984
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2005 - 2007	Nhân viên - Phòng Nhân sự	Công ty Cổ phần Bảo vệ Việt Nam
2007 - 07/2008	Kế toán vật tư - Phòng Vật tư	Công ty TNHH May Artit Việt Nam
08/2008 - 12/2008	Kế toán vật tư - Phòng Kế toán	Công ty TNHH Lộc Hòa Phát
03/01/2009 - 04/10/2010	Chuyên viên - Phòng Tài chính Kế toán Hội sở	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
05/10/2010 - 24/07/2011	Chuyên viên - Thư ký Hội	Ngân hàng TMCP Bưu điện

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

	đồng Chi phí - Phòng Tài chính Kế toán Hội sở	Liên Việt
25/07/2011 - 31/07/2012	Kiểm soát viên - Thư ký Hội đồng Chi phí - Phòng Tài chính Kế toán Hội sở	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
01/08/2012 - 02/11/2012	Tổ trưởng Tổ chế độ kế toán - Thư ký Hội đồng Chi phí - Phòng Tài chính Kế toán Hội sở	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
03/11/2012 - 01/08/2015	Phó Trưởng phòng - Tổ trưởng Tổ chế độ kế toán - Thư ký Hội đồng Chi phí - Phòng Tài chính Kế toán Hội sở	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
02/08/2015 - 28/02/2020	Phó Trưởng phòng - Tổ trưởng Tổ chế độ kế toán - Thư ký Hội đồng Thẩm và Chi phí - Phòng Tài chính Kế toán Hội sở	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
01/03/2020 - 31/01/2021	Phó Trưởng phòng - Thư ký Hội đồng Thẩm và Chi phí - Phòng Tài chính Kế toán Hội sở	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
01/02/2021 - 31/12/2023	Phó Trưởng phòng - Thư ký Hội đồng Thẩm và Chi phí - Phòng Tài chính	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
01/01/2024 - 31/08/2024	Phó Trưởng phòng - Phòng Tài chính	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
01/09/2024 - 15/12/2024	Phó Trưởng phòng - Phòng Kế toán tổng hợp và kiểm soát	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam (tên cũ là Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt)
16/12/2024 - 30/12/2024	Phó phòng (phụ trách Kế toán tổng hợp) - Phòng Kế toán	Ngân hàng TMCP Lộc Phát

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

	&Thuế	Việt Nam
31/12/2024 - Nay	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

- Số lượng chứng khoán tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LPBank tại thời điểm 31/05/2025: 0 cổ phần, tương ứng 0,0000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LPBank:
 - o Thông tin về các Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng và những người có liên quan của Kế toán trưởng: Không có
 - o Lương và các lợi ích khác tại LPBank: Các khoản Lương và lợi ích khác trong năm 2024 của thành viên Ban Điều hành được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Lương và lợi ích khác tại LPBank trong năm 2024 và 5 tháng đầu năm 2025 như sau:

Lương cơ bản		Lợi ích khác	
Năm 2024 (triệu Đồng)	5 tháng đầu năm 2025 (triệu Đồng)	ESOP	Cổ tức
0	170	Không có	+ Năm 2024: Không có + 5 tháng đầu năm 2025: Không có

- Các khoản nợ đối với LPBank tại thời điểm 31/05/2025: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng tại thời điểm 31/05/2025: Không có

7. Cập nhật Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán tại Bản Cáo Bạch

- Nghị quyết số 1614/2025/NQ-HĐQT ngày 26/06/2025 của Hội đồng Quản trị LPBank phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn trái phiếu tăng vốn cấp 2 ra công chúng LPBank năm 2024 Đợt 2.

8. Cập nhật Định nghĩa tại Bản Cáo Bạch

- “Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS) (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam), một tổ chức được Tổ Chức Phát Hành chỉ định theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Trái Phiếu sẽ thực hiện việc đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng đối với Các Trái Phiếu trước khi Các Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC và được niêm yết trên hệ thống giao dịch của HNX. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác, chấp thuận chỉ định LPBS là Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký ban đầu như trên. Việc thay thế Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký (nếu có) sẽ theo quy định của Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

- “Đại Lý Phát Hành” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS) (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Lọc Phát Việt Nam).

9. Cập nhật thời gian chào bán dự kiến tại Bản Cáo Bạch

STT	Mã Trái Phiếu	Số lượng chào bán (Trái Phiếu)	Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá (VND)	Thời gian chào bán dự kiến
1	Trái Phiếu LPB7Y202403	9.000.000	900.000.000.000	Quý III/2025 - Quý IV/2025
2	Trái Phiếu LPB10Y202404	1.000.000	100.000.000.000	
Tổng cộng		10.000.000	1.000.000.000.000	

10. Cập nhật Lãi Suất Trái Phiếu tại Điểm 9.1 Mục VI tại Bản Cáo Bạch như sau:

9.1. Lãi Suất Trái Phiếu

- a) **Lãi Suất Trái Phiếu Đợt 1:** lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

- **Trái Phiếu LPB7Y202401:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,9%/năm (hai phẩy chín phần trăm một năm).
- **Trái Phiếu LPB10Y202402:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,2%/năm (ba phẩy hai phần trăm một năm).

- b) **Lãi Suất Trái Phiếu Đợt 2:** lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:

- **Trái Phiếu LPB7Y202403:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,35%/năm (Hai phẩy ba mươi lăm phần trăm một năm).
- **Trái Phiếu LPB10Y202404:** Lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,50%/năm (Hai phẩy năm phần trăm một năm).

- c) Vì mục đích của Điểm 9.1 a) và Điểm 9.1 b) mục này:

- (i) “**Lãi Suất Tham Chiếu**” đối với mỗi Kỳ Tính Lãi, có nghĩa là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
- (ii) “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng

Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi riêng là “**Ngân Hàng Tham Chiếu**” và gọi chung là “**Các Ngân Hàng Tham Chiếu**”).

- (iii) “**Ngày Xác Định Lãi Suất**” đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của mỗi Đợt. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.
- (iv) Lãi Suất Tham Chiếu được xác định theo nguyên tắc sau:
 - A. Trường hợp vào Ngày Xác Định Lãi Suất mà trang thông tin điện tử của một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tham chiếu do các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố vào Ngày Xác Định Lãi Suất đó.
 - B. Trường hợp nếu tất cả Các Ngân Hàng Tham Chiếu không có hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng của mình vào Ngày Xác Định Lãi Suất thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) áp dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của LPBank tại Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan.
- (v) Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu bằng văn bản cho Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 03 (ba) Ngày Làm Việc và gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng cách đăng tải lên website của Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc, trừ trường hợp Kỳ Tính Lãi đầu tiên là tại ngày bắt đầu thực hiện chào bán Trái Phiếu. Những Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý và cam kết rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành (“**Lãi Suất Trái Phiếu**”) sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng.
- (vi) Để làm rõ, trong trường hợp Lãi Suất Trái Phiếu trên mỗi Trái Phiếu xác định theo quy định tại Điểm 9.1 này không phải là một số nguyên thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ 03 (ba) sau dấu phẩy.
- (vii) Trong trường hợp pháp luật có quy định áp dụng trần lãi suất đối với Trái Phiếu thì:
 - A. Nếu quy định áp dụng trần lãi suất không có hiệu lực áp dụng hoặc không bắt buộc áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 9.1 này thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ tiếp tục được áp dụng theo quy định tại Điểm 9.1 này.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

- B. Nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu và Lãi Suất Trái Phiếu đã được quy định tại Điểm 9.1 này vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất Trái Phiếu sẽ là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật.
- C. Nếu quy định này có hiệu lực áp dụng đối với Lãi Suất Trái Phiếu nhưng Lãi Suất Trái Phiếu được quy định tại Điểm 9.1 này không vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định thì Lãi Suất Trái Phiếu là mức lãi suất được xác định như tại Điểm 9.1 này.

11. Cập nhật Phương thức phân phối tại Điểm 17 Mục VI tại Bản Cáo Bạch như sau:

17. Phương thức phân phối

Đợt phát hành	Đợt 1	Đợt 2
Mã trái phiếu	LPB7Y202401 LPB10Y202402	LPB7Y202403 LPB10Y202404
Phương thức phân phối	Bán trực tiếp cho các Nhà Đầu Tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/PGD của Tổ Chức Phát Hành và phân phối thông qua Đại Lý Phát Hành.	Phân phối thông qua Đại Lý Phát Hành.
Triển khai phân phối	Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối Trái Phiếu công bằng, công khai và đảm bảo thời hạn đăng ký mua tối thiểu cho Nhà Đầu Tư là 20 (hai mươi) ngày.	Đại Lý Phát Hành sẽ phân phối Trái Phiếu công bằng, công khai và đảm bảo thời hạn đăng ký mua tối thiểu cho Nhà Đầu Tư là 20 (hai mươi) ngày.

- Các Đợt chào bán Trái Phiếu không có bảo lãnh phát hành.

- Trách nhiệm của Đại Lý Phát Hành:

+ Đại Lý Phát Hành hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành trong việc chào bán, phân phối Trái Phiếu cho các Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu hợp lệ thông qua chào bán trực tiếp hoặc một hình thức khác phù hợp theo thông báo cụ thể của Tổ Chức Phát Hành.

+ Công bố đầy đủ, chính xác các thông tin cho Nhà Đầu Tư theo phương án phát hành Trái Phiếu đã được phê duyệt, Bản Cáo Bạch và Văn Kiện Trái Phiếu khác và chỉ bán Trái Phiếu cho các Nhà Đầu Tư đủ điều kiện mua Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và Bản Cáo Bạch.

+ Cập nhật định kỳ/đợt xuất các thông tin về tiến độ và kết quả chào bán Trái Phiếu cho

các Nhà Đầu Tư cho Tổ Chức Phát Hành.

+ Thực hiện các dịch vụ khác theo quy định tại hợp đồng đã ký với Tổ Chức Phát Hành.

12. Cập nhật Phương thức đăng ký mua và thanh toán tại Điểm 18.4 Mục VI tại Bản Cáo Bạch như sau:

18.4. Phương thức đăng ký mua và thanh toán

Trong thời hạn đăng ký mua được quy định bởi Tổ Chức Phát Hành, Nhà Đầu Tư thực hiện đăng ký mua Trái Phiếu trong phạm vi số lượng Trái Phiếu chào bán và phải đáp ứng yêu cầu về số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu do Tổ Chức Phát Hành quy định.

a) Đợt 1 (Trái Phiếu LPB7Y202401 và Trái Phiếu LPB10Y202402)

✚ Thông qua Tổ Chức Phát Hành

- Địa điểm đăng ký mua: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại các Chi nhánh/PGD trên toàn quốc và Trụ sở chính của Tổ Chức Phát Hành. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh/PGD đăng tải tại <https://lpbank.com.vn/mang-luoi/>
- Nhà Đầu Tư chuyển tiền mua Trái Phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành (“Tài Khoản Phong Tỏa”).
- Để tránh nhầm lẫn, (i) việc mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa; và (ii) trong trường hợp Nhà Đầu Tư đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

✚ Thông qua Đại Lý Phát Hành

- Địa điểm đăng ký mua: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại trụ sở chính của Đại Lý Phát Hành tại địa chỉ Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43 - 45 - 47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Nhà Đầu Tư chuyển tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa.
- Để tránh nhầm lẫn, (i) việc mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa; và (ii) trong trường hợp Nhà Đầu Tư đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

b) Đợt 2 (Trái Phiếu LPB7Y202403 và Trái Phiếu LPB10Y202404)

✚ Thông qua Đại Lý Phát Hành

- Địa điểm đăng ký mua: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại trụ sở chính của Đại Lý Phát Hành tại địa chỉ Tầng 3, Cao ốc văn phòng, Số 43 - 45 - 47 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

- Để tránh nhầm lẫn, (i) việc mua Trái Phiếu của Nhà Đầu Tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi Nhà Đầu Tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu vào Tài Khoản Phong Tỏa; và (ii) trong trường hợp Nhà Đầu Tư đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

12. Cập nhật Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng của Đợt 2 (Quý III/2025 - Quý IV/2025)

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Ngày văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2 do UBCKNN cấp có hiệu lực	T2
2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về chào bán Trái Phiếu Đợt 2 trên 01 tờ báo điện tử	T2 đến T2+1
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 2 và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu	T2+1 đến T2+21
-	<i>Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến</i>	<i>T2+1</i>
-	<i>Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu và Nhà Đầu Tư nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến (ngày kết thúc đợt chào bán)</i>	<i>T2+21</i>
4	Ngày Phát Hành	T2+21
5	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành Đợt 2 cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
6	Chuyển giao Trái Phiếu cho Nhà Đầu Tư	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

13. Cập nhật Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ Đợt chào bán Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

Phương án sử dụng vốn Đợt 2 (1.000 tỷ VND)

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Phân bổ lĩnh vực sử dụng vốn	Quý III/2025 - Quý IV/2025
1	Khai khoáng	1
2	Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	51
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	84
4	Cung cấp nước; Hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	1
5	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	72
6	Giáo dục và đào tạo	1
7	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	1
8	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	4
9	Hoạt động kinh doanh bất động sản	33
10	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình; Sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình; Tín dụng tiêu dùng	419
11	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2
12	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	7
13	Nông, lâm, ngư nghiệp	35
14	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	193
15	Vận tải kho bãi	28
16	Xây dựng	68
Tổng		1.000

Nguồn: Nghị quyết số 1614/2025/NQ-HĐQT ngày 26/06/2025 của Hội đồng Quản trị LPBank phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn trái phiếu tăng vốn cấp 2 ra công chúng LPBank năm 2024 Đợt 2

15. Cập nhật tên của Đại Lý Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký, Lưu Ký tại Bản Cáo Bạch

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Lọc Phát Việt Nam)

16. Các nội dung khác: giữ nguyên như Bản Cáo Bạch

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

17. Bổ sung Phụ lục tại Bản Cáo Bạch

- a. Nghị quyết số 16.14/2025/NQ-HĐQT ngày 26/06/2025 của Hội đồng Quản trị LPBank phê duyệt Phương án phát hành, Phương án triển khai chào bán và Phương án sử dụng vốn trái phiếu tăng vốn cấp 2 ra công chúng LPBank năm 2024 Đợt 2.
- b. Điều lệ năm 2025 của LPBank.
- c. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính Quý I/2025.

V. CHỮ KÝ

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Đức Thụy

**GIÁM ĐỐC KHỐI THỊ TRƯỜNG VÀ
QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Thị Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Quốc Khánh

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Công

Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG - PHÒNG NGUỒN VỐN



Trần Bích Vân

